

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **14/01/2023**

Phòng thi: **D7-38**

Tổ: **001**

Giờ: **09:45**

Đ: 29
H: 1

Số SV có mặt: *32*

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: **002492**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>N.T. Ngọc</i>	<i>T.T. Anh Hương</i>	<i>N.T. Ngọc</i>	<i>T.T. Anh Hương</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122240031	LÊ THỊ THÙY	DUNG	01/10/2001	CCQ2224A		<i>Dung</i>	85	84	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122240004	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	27/08/2000	CCQ2224A		<i>Tấn Đạt</i>	95	85	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122240007	HỒ THỊ	GIANG	25/12/1999	CCQ2224A		<i>Giăng</i>	86	85	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122240017	TRẦN NGỌC	HÂN	04/03/2004	CCQ2224A		<i>Trần</i>	89	66	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122240038	KIM THỊ BÉ	HIỆN	01/12/2002	CCQ2224B		<i>Hiền</i>	66	3,6	48	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122240028	HỒ THỊ KIM	HOA	08/05/2004	CCQ2224A		<i>Hoa</i>	83	87	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122110093	CHÂU ĐĂNG	KHOA	13/08/2004	CCQ2224B		<i>Châu</i>	79	83	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122240040	NGUYỄN ANH	KIỆT	12/01/2004	CCQ2224B		<i>Anh</i>	84	70	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122240027	NGUYỄN TRẦN KIM	LINH	02/09/2004	CCQ2224A		<i>Trần Kim</i>	87	80	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122240011	TRẦN THỊ	LUYẾN	25/08/2004	CCQ2224A		<i>Trần</i>	90	48	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122240021	ĐƯỜNG THỨC	LY	11/12/2004	CCQ2224A		<i>Thức</i>	78	5,6	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122240032	VŨ THỊ NGỌC	MAI	01/01/2004	CCQ2224A		<i>Mai</i>	85	8,7	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122240006	LÊ DIỆP QUỐC	MẠNH	16/10/2003	CCQ2224A		<i>Quốc</i>	87	9,4	91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122240010	LÊ THỊ XUÂN	NGÂN	20/10/2004	CCQ2224A		<i>Xuân</i>	85	5,7	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122240020	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	20/11/2004	CCQ2224A		<i>Kim</i>	83	55	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122240030	PHÙNG THỊ NHẬT	NGUYỆT	03/04/2003	CCQ2224A			18			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122240025	MAI NGỌC Ý	NHI	19/01/2004	CCQ2224A		<i>Ngọc Ý</i>	79	63	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122240022	PHẠM THỊ YẾN	NHI	08/08/2004	CCQ2224A		<i>Yến</i>	44	5,6	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122240024	NGUYỄN TÚ	NHƯ	20/01/2004	CCQ2224A		<i>Tú</i>	79	60	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122240026	LÊ HỒNG ANH	SANG	15/09/2004	CCQ2224A			44			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 06/01/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002492

Trang : 2/2

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/01/2023**

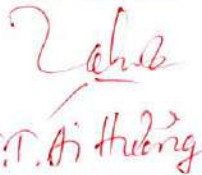
Giờ: **09:45**

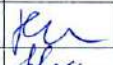
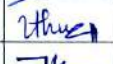
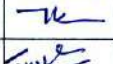
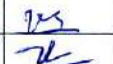
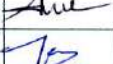
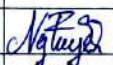
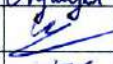
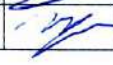
Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt: 30

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  N.T. Nguy	Cán bộ coi thi 2  T.T. Ai Hường	G.Viên chấm thi 1  N.T. Nguy	G.Viên chấm thi 2  T.T. Ai Hường
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200046	TRIỆU VĂN THÀNH	07/04/2004	CCQ2224A				18			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122240009	ĐỖ THỊ	09/03/2000	CCQ2224A				67	53	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
23	2122240023	NGUYỄN TRẦN NGỌC	22/12/2004	CCQ2224A				81	9,2	88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
24	2122240039	CHU THỊ	16/11/1998	CCQ2224B				81	80	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122240016	NGUYỄN THANH	10/12/2004	CCQ2224A				89	6,5	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122240008	LÊ THỊ HỒNG	26/04/2001	CCQ2224A				92	9,9	96	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122240013	ĐÀNG THỊ MỸ KIM	23/04/2001	CCQ2224A				70	4,3	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122240015	BÙI THỊ KIM	16/03/2004	CCQ2224A				91	6,5	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122240035	HỒ THỊ HUYỀN	24/10/2004	CCQ2224B				89	7,9	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122240012	HỒ THỊ QUẾ	25/07/2002	CCQ2224A				64	9,0	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122240014	NGUYỄN THANH MINH TRÍ	23/12/2001	CCQ2224A				40			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122240018	BÙI THỊ NGỌC	31/12/2002	CCQ2224A				92	8,3	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122240033	TRẦN THỊ DIỄM	20/06/2004	CCQ2224A				70	7,4	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122240037	VÕ TƯỜNG	31/01/2004	CCQ2224B				66	8,3	76	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **14/01/2023**

Phòng thi: **D7-39**

Tổ: **002**

Giờ: **09:45**

D: 25
H: 0

Số SV có mặt: *25*

Số bài thi: *.....*

Số tờ giấy thi: *.....*

Mã nhận dạng: 002493

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>P.V. H.</i>	<i>Trần T. Thái</i>	<i>P. U. H.</i>	<i>Trần S. Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110334	TRẦN THANH BÌNH	05/08/2003	CCQ2124F			<i>P.</i>	52	10	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110047	DƯƠNG NGUYỄN ANH DŨNG	22/09/2003	CCQ2124F			<i>D.</i>	84	10	94	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122240206	NGÔ XUÂN ĐŨNG	05/05/2004	CCQ2224B				15			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122240042	TRẦN THỊ MỸ	20/01/2004	CCQ2224B			<i>Trần T.</i>	65	7,8	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122240055	VÕ THỊ THU HÀ	23/01/2004	CCQ2224B			<i>H.</i>	65	8,6	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122240157	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	30/03/1999	CCQ2224B				89			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122240159	ĐUỘI CÔNG HUY	23/05/2002	CCQ2224B				13			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122240052	LÊ CÔNG HUY	26/06/1999	CCQ2224B			<i>L.</i>	64	9,0	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122240160	TÔ MINH HUY	29/10/2004	CCQ2224B			<i>T.</i>	58	6,3	61	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122240207	TRIỆU NHẬT HUY	06/12/2002	CCQ2224B			<i>H.</i>	77	7,8	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122240048	TRẦN KHÁNH HƯNG	02/02/2004	CCQ2224B			<i>K.</i>	72	7,0	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122240202	TRẦN THỊ HƯƠNG	08/03/2002	CCQ2224D			<i>H.</i>	90	5,9	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122240001	HUỖNH ĐỨC KHANG	01/07/1997	CCQ2224A			<i>H.</i>	97	7,4	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122240050	LÊ UYÊN NHI	06/07/2003	CCQ2224B			<i>L.</i>	87	6,8	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122240062	ÔNG THỊ THIÊN NHI	04/10/2004	CCQ2224B			<i>N.</i>	61	5,6	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122240152	ĐINH THỊNH PHÁT	12/05/2003	CCQ2224B				92			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120110340	NGÔ HÀ THÁI PHÚ	13/05/2002	CCQ2024G			<i>P.</i>	72	9,7	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122240156	ĐỖ ANH QUỐC	16/10/2002	CCQ2224B			<i>Q.</i>	56	8,1	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122240058	NGÔ NGUYỄN THANH QUYÊN	29/05/2004	CCQ2224B			<i>Q.</i>	80	7,3	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122240060	VŨ THỊ TRÚC QUỲNH	27/10/2004	CCQ2224B			<i>Q.</i>	73	5,2	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002493

Trang : 2/2

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **14/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **25**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122240199	LÊ THỊ THU	THẢO	19/08/2004	CCQ2224D			38			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122240053	NGUYỄN PHẠM THANH	THẢO	28/10/2004	CCQ2224B		Thao	67	4,1	51	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122240204	HUỖNH THỊ KIỀU	THỊNH	12/04/2004	CCQ2224C		Thinh	75	3,6	52	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
24	2122240046	NGUYỄN HOÀNG MINH	THUẬN	23/10/2000	CCQ2224B			17			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122240155	NGUYỄN THỊ HOÀI	TÌNH	10/08/2002	CCQ2224B		Thi	71	5,6	62	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
26	2122240211	THÂN NGUYỄN HUYỀN	TRANG	15/04/2004	CCQ2224C		Thuan	58	4,7	51	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122240059	HUỖNH NGUYỄN BẢO	TRÂM	19/06/2004	CCQ2224B		Tram	86	7,6	80	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122240205	LÂM ĐOÀN QUỐC	TRÍ	07/05/2004	CCQ2224B		Tri	64	8,3	75	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
29	2122240201	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	20/05/2003	CCQ2224D			15			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122240054	NGUYỄN TRẦN THẢO	UYÊN	02/12/2004	CCQ2224B		Uyen	81	7,0	74	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
31	2122240158	NGUYỄN THUÝ	VÂN	27/10/2004	CCQ2224B		Van	64	7,2	69	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
32	2122240047	NGUYỄN THỊ	VI	04/08/2003	CCQ2224B		Vi	76	5,4	63	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
33	2122240198	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	13/04/2004	CCQ2224D			58			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002494

Trang : 1/2

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **14/01/2023**

Phòng thi: **A201**

Tổ: **001**

Giờ: **09:45**

Đ: 23
H: 3

Số SV có mặt: 26

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122240171	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	07/11/2003	CCQ2224F				9.7	77	85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122240163	TRẦN BÙI VIỆT ANH	23/01/2004	CCQ2224E				5.9	62	61	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122240139	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	30/01/2004	CCQ2224E				8.1	67	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122240170	NGUYỄN KIM BẢO	22/11/2004	CCQ2224F				8.6		34	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122240134	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	06/12/1997	CCQ2224E				9.2	68	78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122240166	TRẦN QUANG BÌNH	30/04/2003	CCQ2224E				7.8	70	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122240143	HOÀNG THỊ THU ĐÀO	22/02/2002	CCQ2224E				8.9	82	85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122240141	NGUYỄN THỊ THU HÀ	23/02/2004	CCQ2224E				8.1	78	79	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122240150	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	13/11/2004	CCQ2224E				7.8	73	75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122240136	NGUYỄN THỊ NHƯ HOÀI	20/06/2004	CCQ2224E				0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122240174	HÀ THANH HUYỀN	10/08/2004	CCQ2224F				9.0	73	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122240164	PHẠM GIA KỲ HƯƠNG	27/06/2004	CCQ2224E				9.5	1.7	48	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122240133	LÂM TRUNG KIẾN	17/10/2004	CCQ2224E				7.7	53	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122240165	LÊ DIỄM KIỀU	04/10/2004	CCQ2224E				7.5	51	61	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122110030	HUỲNH QUANG LÂM	15/08/2004	CCQ2224F				6.9	64	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122240147	ĐỒNG TÂN MỸ	26/10/2004	CCQ2224E				7.4	59	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122240151	TRẦN THỊ KIM NGỌC	31/01/2004	CCQ2224E				0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122240140	VÕ THỊ MỸ NGỌC	13/12/2004	CCQ2224E				9.2	84	87	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122240168	NGÔ ĐỖ DUY NGUYỄN	16/10/2003	CCQ2224F				0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122240172	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	01/07/2004	CCQ2224F				0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002494

Trang : 2/2

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/01/2023**

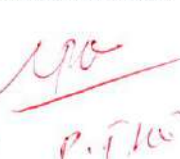
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: ...26...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Nhóm	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122240137	HOÀNG THỊ THÙY	NHI	26/08/2004	CCQ2224E				8.2	58	68	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122240149	MAI THỊ QUỲNH	NHƯ	16/06/2004	CCQ2224E				0	✓	✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122240121	TRẦN ĐẶNG MAI	PHƯƠNG	11/10/2002	CCQ2224E				8.5	59	69	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
24	2122240167	NGUYỄN LÂM NHƯ	QUỲNH	26/09/2004	CCQ2224E				8.5	79	81	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122240148	HOÀNG ĐẶNG THẾ	TÂN	01/04/2004	CCQ2224E				7.6	77	77	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122240169	TỔNG MINH	TÂN	28/04/2004	CCQ2224F				8.8	52	66	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122240138	HỒ PHƯƠNG	THẢO	01/11/2002	CCQ2224E				8.9	83	85	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122240128	PHẠM TÂN	TIẾN	25/05/2004	CCQ2224E				6.6	0	26	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122240132	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	15/04/2004	CCQ2224E				6.6	77	73	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122240043	TRẦN NGỌC BÍCH	TRÂM	05/03/2003	CCQ2224F				0	✓	✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122110238	NGUYỄN HOÀI	TRỌNG	15/05/2004	CCQ2224E				9.6	84	89	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
32	2122240145	PHẠM YẾN	VY	05/10/2003	CCQ2224E				8.7	87	87	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122240120	TRẦN HẢI	YẾN	19/12/2004	CCQ2224E				8.6	67	75	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **14/01/2023**

Phòng thi: **A205**

Tổ: **002**

Giờ: **09:45**

Đ: 27
H: 0

Số SV có mặt: 27

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 002495

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyen</i> <i>NWZhan</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Tran</i> <i>DTT NH</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyen</i> <i>NWZhan</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Tran</i> <i>DTT NH</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121130047	PHAN NỮ QUỲNH ANH	08/06/1990	CCQ2124F				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122240193	DƯƠNG THỊ BẢO CHÂN	26/12/2004	CCQ2224F			<i>Chau</i>	8.1	3.0	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122240181	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	05/01/2004	CCQ2224F			<i>Dum</i>	9.1	5.5	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
4	2122240184	LÊ THỊ MỸ ĐÀO	18/10/2004	CCQ2224F			<i>Dao</i>	8.1	3.5	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122240175	LÃ THỊ THU HÀ	19/01/2004	CCQ2224F			<i>Thu</i>	8.5	6.9	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122240182	THÂN NGỌC HÂN	08/01/2004	CCQ2224F			<i>Ha</i>	8.6	6.3	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122240186	LÊ ĐỖ QUỐC HÙNG	04/04/2004	CCQ2224F			<i>Hung</i>	9.1	7.6	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122240146	TRẦN THU HƯƠNG	20/08/2003	CCQ2224E			<i>Thu</i>	9.1	8.0	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122240176	HUỲNH QUỐC KHÁI	02/08/2004	CCQ2224F			<i>Khai</i>	8.5	5.0	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122240183	NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	29/05/2004	CCQ2224E			<i>Loan</i>	9.4	8.0	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122240189	NGÔ THỊ CẨM LY	20/12/2003	CCQ2224F			<i>Camly</i>	9.2	6.5	76	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122240200	HUỲNH THỊ TRÚC MY	25/10/2004	CCQ2224E			<i>My</i>	9.4	7.4	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122240209	TRƯƠNG MINH NGUYỆT	15/12/2004	CCQ2224E				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2118240251	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	01/01/1999	CCQ1824D			<i>Nhan</i>	9.0	6.0	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122240190	LÊ HOÀNG NHƯ	20/12/2004	CCQ2224F			<i>Nhu</i>	8.9	8.4	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122240192	NGUYỄN THỊ MỸ NƯƠNG	11/03/2004	CCQ2224F			<i>Nuong</i>	9.5	7.7	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122240208	LÊ VIỆT QUÍ PHI	05/04/1999	CCQ2224F				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122240210	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	22/04/2004	CCQ2224D				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122240188	NGUYỄN KHẮC PHƯỚC	08/09/2000	CCQ2224F				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122240194	PHẠM KIM PHƯƠNG	19/09/2004	CCQ2224F			<i>Phu</i>	9.4	7.8	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002495

Trang : 2/2

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **14/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A205**

Số SV có mặt: **27**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Châu</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Đ.T. H.H.</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Châu</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Đ.T. H.H.</i>
--	--------------------------------------	---	---------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122240191	NGUYỄN TRẦN NGỌC QUỲNH	27/06/2004	CCQ2224F			<i>Nguyễn Văn Châu</i>	8.6	8.3	84	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122240179	TRẦN LỆ QUỲNH	10/12/2004	CCQ2224F			<i>Nguyễn Văn Châu</i>	8.4	5.3	65	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122240197	LÊ THỊ THU SƯƠNG	10/06/2004	CCQ2224E			<i>Sương Lê Thị</i>	7.6	3.4	51	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122240177	NGUYỄN THỊ LỆ SƯƠNG	26/01/2004	CCQ2224F			<i>Sương Lê Thị</i>	7.6	6.0	66	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122240185	CAO THỊ THANH THẢO	16/07/2004	CCQ2224F			<i>Thanh Thảo Cao</i>	9.3	5.7	71	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122240178	PHẠM LÊ PHƯƠNG THẢO	13/08/2004	CCQ2224F			<i>Phương Thảo Phạm</i>	9.3	5.0	67	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122240173	HỒ THỊ XUÂN THỦY	02/10/2004	CCQ2224F			<i>Xuân Hồ Thị</i>	9.0	7.4	80	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122240203	ĐỖ THỊ THỦY	10/11/2001	CCQ2224D			<i>Thủy Đỗ Thị</i>	9.3	7.0	79	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122240195	THÁI KIM PHƯƠNG UYÊN	27/10/2004	CCQ2224F			<i>Phương Thái Kim</i>	8.1	7.8	79	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122240187	PHẠM THỊ THỦY VÂN	28/10/2004	CCQ2224F			<i>Thủy Phạm Thị</i>	8.7	6.6	74	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122240180	NGUYỄN THỊ NGỌC VY	04/04/2004	CCQ2224F			<i>Ngọc Vy Nguyễn</i>	8.0	6.2	69	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122240196	HOÀNG THỊ YÊN	17/10/2004	CCQ2224F			<i>Yên Hoàng Thị</i>	8.9	6.5	75	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9